**GIỚI THIỆU MỘT SỐ MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

**MÔN NGỮ VĂN**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích).. | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **1** | **1** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***20*** |  | ***20*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **20%** | | **20%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian Nhận biết được thể loại truyện đồng thoại, Các đặc trưng của thể loại truyện đồng thoại: ngôi kể, ngôn ngữ truyện đông thoại gần gũi với trẻ em | **Nhận biết:**  - Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện cổ tích; chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện và ngôi kể.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu  - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ.  - Hiểu và lí giải được chủ đề của văn bản.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học từ văn bản.  - Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa, giá trị tư tưởng hoặc đặc sắc về nghệ thuật của văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

“Bơi càng lên mặt ao thấy càng nóng, cá Chuối mẹ bơi mãi, cố tìm hướng vào bờ. Mặt ao sủi bọt, nổi lên từng đám rêu. Rất khó nhận ra phương hướng. Chuối mẹ phải vừa bơi vừa nghếch lên mặt nước để tìm hướng khóm tre, trời bức bối ngột ngạt. Lắm lúc Chuối mẹ muốn lặn ngay xuống đáy cho mát, nhưng nghĩ đến đàn con đang đói, chờ ở vùng nước đằng kia, Chuối mẹ lại cố bơi. Khóm tre bên bờ đã gần đây rồi. Khi tới thật gần, Chuối mẹ chỉ còn trông thấy gốc tre, không thấy ngọn tre đâu. Chuối mẹ bơi sát mép nước rồi rạch lên chân khóm tre. Tìm một chỗ mà Chuối mẹ đoán chắc là có tổ kiến gần đó. Chuối mẹ giả vờ chết, nằm im không động đậy. Trời nóng hầm hầm. Hơi nước lá ải cùng với mùi tanh trên mình Chuối mẹ bốc ra làm bọn kiến lửa gần đó thèm thuồng. Bọn chúng thi nhau đi kiếm mồi. Vừa bò loằng ngoằng vừa dò dầm về phía cỏ mùi tanh cá.

Đầu tiên Chuối mẹ cảm thấy buồn buồn ở khắp mình, sau đó đau nhói trên da thịt. Biết kiến kéo đến đã đông, Chuối mẹ liền lấy đuôi quẩy mạnh, rồi nhảy tũm xuống nước. Bọn kiến không kịp chạy, nổi lềnh bềnh trên mặt ao. Đàn Chuối con ùa lại tranh nhau đớp tới tấp. Thế là đàn Chuối con được mẻ no nê. Chuối mẹ bơi quanh nhìn đàn con đớp mồi, vui quá nên quên cả những chỗ đau bị kiến đốt.”                                                     Trích “Mùa xuân trên cánh đồng” – Xuân Quỳnh

Xem thêm tại Website VnTeach.Com https://www.vnteach.com

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo thể loại nào?

A. Truyện ngắn                                             C. Truyện truyền thuyết  
B. Truyện đồng thoại                                     D. Truyện cổ tích

###### Câu 2. Nhân vật chính trong đoạn trích trên là:

A. Cá Chuối mẹ                                            C. Bọn kiến lửa  
B. Đàn Chuối con                                           D. Tổ kiến

###### Câu 3. Chỉ ra từ láy trong câu văn sau: “Bọn chúng thi nhau đi kiếm mồi. Vừa bò loằng ngoằng vừa dò dẫm về phía cỏ mùi tanh cá.”

A. Loằng ngoằng, dò dẫm                                                 C. Dò dẫm, phương hướng  
B. Kiếm mồi, loằng ngoằng D. Mùi tanh, loằng ngoằng

###### Câu 4. Cá Chuối mẹ bơi mãi, cố tìm phương hướng vào bờ làm gì?

A. Để tìm hướng khóm tre  
B. Để tìm chỗ giả chết, nằm im không động đậy  
C. Để dụ đàn kiến  
D. Để tự làm đau mình

###### Câu 5. Khi Chuối mẹ thấy đàn kiến đến đông, Chuối mẹ có hành động gì?

A. Quẫy đuôi để đuổi đàn kiến đi  
B. Tự cắn vào da thịt mình  
C. Cảm thấy buồn buồn khắp mình và cho đàn kiến cắn mình  
D. Đuôi quẩy mạnh, rồi nhảy tũm xuống nước

###### Câu 6. Đoạn văn trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất                                                                 C. Ngôi thứ ba  
B. Ngôi thứ hai                                                                   D. Ngôi tự do

###### Câu 7. Nhân vật trong câu chuyện trên được xây dựng bằng biện pháp nghệ thuật chính là:

A. So sánh                        B. Nhân hoá

C. Điệp ngữ                                                    D. Hoán dụ

###### Câu 8. Trong câu: “Bọn kiến không kịp chạy, nổi lềnh bềnh trên mặt ao.” có mấy vị ngữ?

A. 1                 B. 2                                         C. 3                                               D. 4

###### Câu 9. Nhân vật Chuối mẹ trong câu chuyện vừa mang đặc điểm của loài vật vừa mang đặc điểm của con người, em hãy chỉ rõ đặc điểm đó.

###### Câu 10.Qua đoạn trích trên, em hãy cho biết tác giả muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Bằng trí tưởng tượng hoặc bằng trải nghiệm thực của mình, em hãy viết bài văn kể lại một giấc mơ đẹp.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | **Nhân vật cá Chuối mẹ là nhân vật của truyện đồng thoại: - Đặc điểm của loài vật: bơi, lặn, quẫy, nhảy tũm xuống nước Học sinh nêu được đặc điểm của loài vật cá Chuối mẹ - Đặc điểm của con người: suy nghĩ và tư duy như con người, các yếu tố biểu cảm giống con người “buồn buồn khắp mình”, “vui quá”, “đau nhói trên da”** | 0.5  0.5 |
|  | **10** | **Qua câu chuyện của mẹ con cá Chuối, HS rút ra thông điệp: - Ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng và cảm động .** | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Kể về một giấc mơ đẹp* | 0,25 |
|  | *c. Kể lại giấc mơ*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được giấc mơ.  - Các sự kiện chính trong giấc mơ: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Cảm giác sau khi tỉnh giấc. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |